

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trọng Danh**

*Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Anh Tuấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Đặng Thị Liễu**

Bà **Phan Thị Thuận Nhi**

Ông **Đoàn Ngọc Đăng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Thiên Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Như Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 108/2022/HSST ngày 20 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Trần Đình V** ; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 08/10/1986 tại Hà Nội; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Số 7x Yên P, phường Yên P, quận T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Chưa; Cha: Trần Đình P (SN: 1944) và Mẹ: Nguyễn Thanh V (SN: 1954); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai, có vợ Trần Bích H và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2017. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Văn C** ; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 16/02/1988 tại Hà Nội; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Số 9x ngõ Tân L, phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12 (cử nhân Đại học); Tiền án, tiền sự: Chưa; Cha: Nguyễn Văn S (SN: 1950) và Mẹ: Nguyễn Thị H1 (SN: 1954); Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai, chưa có vợ con. Bị

cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/09/2017. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

**\*Người bào chữa cho bị cáo Trần Đình V:** Ông Võ Văn Thiết - Luật sư Văn phòng luật sư Thiết và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, là người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

**\*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C:** Bà Trần Thị Thùy Trinh - Luật sư Văn phòng luật sư Kim Huệ thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, là người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Trần Bích H**, sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số 7x Yên P, phường Yên P, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bà **Trần Bích Th**, sinh năm 1968; Nơi cư trú: số 152 đường P, phường B, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Ông **Phạm Văn H2**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 4 ngõ 414 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Bà **Quách Thị H3**, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Số 158 đường K, phường C, quận Q, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

5. Ông **Đỗ Hữu Q**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Kênh G, huyện T, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Xã An Đ, huyện An D, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

6. Ông **Vũ Thế D**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Tổ 01 phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

7. Ông **Trần Xuân H4**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Số nhà 31, tổ 04, phường Gi, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

8. Ông **Bùi Duy H5**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: K129/H50/9 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

9. Ông **Nguyễn Hải C**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 17 Nguyễn H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

10. Ông **Lê Nho Ph**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: K77/27 Đường D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

11. Bà **Phạm Thị Hồng H6**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số 08 T18, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

12. Ông **Lê Viết Th**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: K569/28 Đường D, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

**\* Người làm chứng:**

1. Ông **Lê Công T**, sinh năm 1977; Nơi cư trú: K143/x đường N, phường C 1, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

2. Ông **Võ Vĩnh C**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: K510/4 đường K, phường C 2, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3. Ông **Mai Đăng S**, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Số 110 NS, phường M, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nhằm mục đích nhập lậu điện thoại di động từ Hồng Kông, Trung Quốc về Việt Nam tiêu thụ kiếm lời, nên vào khoảng tháng 8/2017 Trần Đình V đến Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hà Nội để tìm hiểu cách thức thành lập doanh nghiệp. Tại đây, V gặp và thuê một người tên Hùng (không rõ lai lịch, địa chỉ, giới thiệu là “Cò” đăng ký doanh nghiệp) để thành lập doanh nghiệp có chức năng nhập khẩu với giá 05 triệu đồng. Về tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là do Hùng tự chọn để đăng ký thành lập. Sau đó vài ngày, Hùng gặp và đưa V một giấy phép đăng ký doanh nghiệp, một con dấu tròn của Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh thương mại và dịch vụ TM (gọi tắt là Công ty TNHH TM) với tên người đại diện theo pháp luật của Công ty là Lê Văn M, sinh ngày 15/04/1990; hộ khẩu thường trú cùng với địa chỉ trụ sở Công ty là số 06, phố Đ, phường T, quận H, Tp. Hà Nội và một con dấu chức danh “Giám đốc Lê Văn M”.

Sau đó, Trần Đình V gặp và thuê Nguyễn Văn C để giúp V thực hiện các thủ tục Hải quan nhập khẩu cho Công ty TNHH TM và thỏa thuận trả lương cho C là 15.000.000đ/1 tháng. Khi thuê C, V có cho C biết mặt hàng nhập khẩu là thiết bị điện tử, có cả điện thoại di động, C nói: *nếu nhập khẩu điện thoại di động thì thủ tục Hải quan sẽ phức tạp hơn vì cần giấy phép chuyên ngành thì V trả lời đã lo liệu hết rồi, cứ yên tâm làm theo chỉ đạo của V là được.* Ngày 19/09/2017, V đưa C từ Hà Nội và Đà Nẵng thuê phòng 303 khách sạn Mail An Khang, địa chỉ tại số 110 đường NS, phường M, quận T, Tp. Đà Nẵng làm chỗ ở cho C. V đưa hồ sơ pháp nhân, con dấu của công ty, con dấu giám đốc Lê Văn M và một số giấy giới thiệu của Công ty TM cho C để C giúp V trực tiếp thực hiện các thủ tục Hải quan nhập khẩu.

Về đầu mối bán điện thoại tại Hồng Kông, thông qua một số người kinh doanh điện thoại di động tại Hà Nội giới thiệu, Trần Đình V biết được thông tin về một người phụ nữ tên Xuân (không rõ tên, lai lịch), chỉ biết Xuân quê gốc tại thành phố Hải Phòng, hiện đang cư trú tại Hồng Kông và sử dụng điện thoại +85291898385. Xuân thường mua điện thoại di động nhãn hiệu Iphone từ các cửa hàng được hãng Apple ủy quyền tại Hồng Kông rồi bán lại cho một số người kinh doanh sỉ điện thoại tại Việt Nam. V đã trực tiếp liên hệ với Xuân để thỏa thuận việc mua bán điện

thoại di động nhãn hiệu Iphone, cách thức thanh toán, cách thức vận chuyển và nhập khẩu về Việt Nam qua Cửa khẩu Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Sau khi hai bên thông nhất số lượng, chủng loại (model), giá cả mua bán, Xuân cho V thông tin số tài khoản của một người tên Đỗ Hữu Q mở tại Ngân hàng Vietcombank (số tài khoản: 00310002899xx) và tại Ngân hàng Sacombank (số tài khoản: 0300359522xx) để V chuyên tiền mua điện thoại vào các tài khoản này hoặc Xuân cho người trực tiếp đến nhà V để lấy tiền mua điện thoại. Tiếp đó, V gửi thông tin của Công ty TM để Xuân tìm doanh nghiệp tại Hồng Kông xuất hóa đơn (Invoice) và liên hệ hãng hàng không để đơn vị vận chuyển lập vận đơn (Air Waybill). Tuy nhiên, V yêu cầu bên bán phải ghi thông tin hàng hóa trên hóa đơn và vận đơn là Bộ lưu điện UPS với mục đích trốn thuế giá trị gia tăng (vì Bộ lưu điện UPS có giá trị thấp hơn so với điện thoại di động nên thuế giá trị gia tăng khi nhập khẩu cũng thấp hơn). Sau khi nhận được hình ảnh vận đơn và hóa đơn của lô hàng từ Xuân, V gửi lại cho Nguyễn Văn C và chỉ đạo C sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty TM thực hiện các thủ tục khai hải quan nhập khẩu. Mặc dù, trước khi làm thủ tục C được V cho biết thực tế hàng nhập về là điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, không đúng theo thông tin hàng hóa trên hồ sơ nhập khẩu (Bộ lưu điện UPS) nhưng C vẫn thực hiện việc mở tờ khai hải quan với thông tin là Bộ lưu điện UPS. Đồng thời, C giả chữ ký của Lê Văn M – Giám đốc Công ty TM, đóng dấu của Công ty TM trên hồ sơ nhập khẩu, giấy giới thiệu (do C soạn rồi in ra) để trực tiếp liên hệ Chi cục Hải Quan cửa khẩu Sân bay Quốc tế Đà Nẵng thực hiện các thủ tục nhập khẩu cho Công ty TM.

Với thủ đoạn như trên, vào ngày 29/9/2017, thực hiện chỉ đạo của Trần Đình V, Nguyễn Văn C thực hiện mở tờ khai hải quan nhập khẩu cho Công ty TM với thông tin hàng hóa nhập khẩu là Bộ lưu điện UPS SANTAK TWINGGUARD OFFLINE 500VA – MODEL TG500, số lượng 40 bộ, qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Đà Nẵng. Tuy nhiên, sau khi lô hàng được thông quan, C vừa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan thì bị lực lượng chức năng Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt giữ, tiến hành kiểm tra và xác định thực tế hàng hóa Công ty TM nhập về là 200 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus.

Kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Nẵng xác định: 200 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus mà Trần Đình V và Nguyễn Văn C buôn lậu về Việt Nam qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Đà Nẵng bị bắt quả tang ngày 29/9/2017 có giá trị là **3.198.000.000** đồng (*Ba tỷ, một trăm chín mươi tám ngàn đồng*).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an TP Đà Nẵng đã căn cứ Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (Nay là Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015) và Điều 2 Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 quy định về hàng hóa maau hỏng, mất giá trị tiến hành xử lý vật chứng bán đấu giá 200 chiếc điện

thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus nói trên được số tiền **1.652.000.000** đồng (việc xử lý vật chứng được sự đồng ý của bị can Trần Đình V).

**\* Tang vật tạm giữ gồm:**

***Thu giữ của Trần Đình V gồm:***

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8 Plus màu bạc, số IMEL 354359082689805/01;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus 64GB, màu vàng, số IMEL 356715080663571

+ Số tiền 315.000.000 đồng.

***Thu giữ của Nguyễn Văn C gồm:***

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWAI và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia;

+ 01 con dấu tròn, 01 USB chữ ký số của Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ TM, 01 con dấu chức danh “Giám đốc Lê Văn M”;

+ 01 máy tính xách tay hiệu Dell;

+ 01 căn cước công dân tên Nguyễn Văn C.

+ 200 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus.

Tại bản cáo trạng số 16/2018/VKS-CT-P3 ngày 19/06/2018, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng đã truy tố Trần Đình V và Nguyễn Văn C về tội “Buôn lậu” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HSST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt: **Trần Đình V 08 (Tám)** năm tù về tội “Buôn lậu”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2017.

Căn cứ khoản 5 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Phạt tiền bổ sung đối với Trần Đình V 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt: **Nguyễn Văn C 06 (Sáu)** năm tù về tội “Buôn lậu”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/09/2017.

Sau khi xử sơ thẩm, vụ án bị kháng cáo. Tại bản án phúc thẩm số 129/2019/HSPT, ngày 22/4/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng đã

quyết định: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình V, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

Căn cứ: điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt Trần Đình V 07 (bảy) năm tù về tội “Buôn lậu”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2017.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt: **Nguyễn Văn C 06 (Sáu)** năm tù về tội “Buôn lậu”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/09/2017

Sau khi xét xử phúc thẩm, bản án phúc thẩm bị kháng nghị theo Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 03/QĐ-VKSTC-V7 ngày 20/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 18/2021/HS-GĐT ngày 22/3/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã Quyết định: Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 129/2019/HSPT ngày 22/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HSST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Với lý do: tòa án cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo V “người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS là không chính xác, xử phạt bị cáo Trần Đình V 07 năm, bị cáo Nguyễn Văn C 06 năm về tội “Buôn lậu” là đánh giá không đúng tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngoài ra Quyết định Giám đốc thẩm còn cho rằng cần phải điều tra lại về phần xử lý trách nhiệm hình sự đối với Lê Nho Ph, tránh bỏ lọt tội phạm.

Sau khi Tòa án nhân dân tối cao có yêu cầu điều tra lại về phần xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Lê Nho Ph, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã tiến hành điều tra làm rõ dấu hiệu tội phạm của các đối tượng có liên quan. Tuy nhiên do hết thời hạn điều tra nhưng chưa đủ cơ sở để kết luận, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng kết luận điều tra, đề nghị truy tố về hành vi “Buôn lậu” của Trần Đình V và Nguyễn Văn C; đồng thời tách dấu hiệu hành vi “Đưa hối lộ” và “Nhận hối lộ” thành một thông tin tội phạm riêng, ra Quyết định phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên thụ lý giải quyết để tiếp tục tiến hành điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Sau khi điều tra lại, tại Bản cáo trạng số 111/CT-VKS-P2 ngày 20/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Trần Đình V, Nguyễn Văn C về tội “*Buôn lậu*” theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản cáo trạng; đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Xử phạt Trần Đình V từ 12 đến 13 năm tù; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn C từ 10 đến 12 năm tù cùng về tội “Buôn lậu”;

Về xử lý tang vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên:

- Tịch thu sung công Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8 Plus màu bạc, số IMEL 354359082689805/01 thu giữ của Trần Đình V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 01 máy tính xách tay hiệu Dell thu giữ của Nguyễn Văn C vì đây là các công cụ phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung công Nhà nước số tiền **1.652.000.000** đồng thu được thông qua việc xử lý tang vật của vụ án là lô hàng 200 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus.

- Tiêu hủy 01 con dấu tròn, 01 USB chữ ký số của Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ TM, 01 con dấu chức danh “Giám đốc Lê Văn M” vì đây là các công cụ phương tiện phạm tội liên quan đến pháp nhân Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ TM mà các bị cáo thành lập để phục vụ cho việc phạm tội.

- Tuyên trả lại cho bà Trần Bích H (vợ bị cáo V) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus 64GB, màu vàng, số IMEL 356715080663571.

- Đối với số tiền 315.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Đình V, đề nghị tiếp tục qui trữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn C, đề nghị trả lại cho bị cáo.

\* Các luật sư Võ Văn Thiết và Trần Thị Thùy Trinh bào chữa cho các bị cáo Trần Đình V và Nguyễn Văn C đều thống nhất với tội danh, điểm khoản và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo.

Luật sư Võ Văn Thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo đã thực sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi và việc làm của mình; khi nghe tin lô hàng bị bắt giữ bị cáo đã chủ động vào Đà Nẵng với dự định sẽ ra trình diện tại Cơ quan công an; hậu quả của vụ án đã được ngăn chặn kịp thời toàn bộ lô hàng đã bị thu giữ và đấu giá thu về Ngân sách Nhà nước số tiền tương đối lớn; bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ bị cáo già yếu; vợ bị cáo thường xuyên đau ốm bệnh tật phải nuôi

02 con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, cha bị cáo trong quá trình làm việc được Bộ nội vụ, Bộ văn hóa thông tin tặng Bằng khen; gia đình bị cáo có ông nội và ông chú có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương lao động hạng 3 và ghi nhận là liệt sỹ... Do vậy, luật sư đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt và xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức án mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Luật sư Trần Thị Thùy Trinh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của bị cáo C trong vụ án, chỉ là người đồng phạm giúp sức không đáng kể, công việc của bị cáo chỉ làm thủ tục thông quan, nhận hàng và chuyển hàng cho bị cáo V, chỉ làm công ăn lương hoàn toàn không tham gia vào việc sắp đặt hay lên kế hoạch về việc Buôn lậu; khi bị bắt quả tang bị cáo đã thực sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khai báo ra người đồng phạm là bị cáo V giúp cho cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án; hậu quả của vụ án đã được ngăn chặn kịp thời toàn bộ lô hàng đã bị thu giữ và đấu giá thu về Ngân sách Nhà nước số tiền tương đối lớn; bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ bị cáo già yếu; bị cáo là lao động chính trong gia đình, trong quá trình học tập tại các trường trung học phổ thông và đại học bị cáo luôn là học sinh, sinh viên giỏi, xuất sắc được Nhà trường tặng bằng khen; đã cố gắng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng án phí sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật... Do vậy, luật sư đề nghị áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt và xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức án mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Các bị cáo Trần Đình V, Nguyễn Văn C thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã kết luận; thống nhất với luận cứ bào chữa của các luật sư; các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và hoàn cảnh gia đình để xét giảm nhẹ mức án tạo điều kiện cho các bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng, giúp đỡ cha mẹ già yếu và vợ con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:*

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và luật sư của bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.



[2]. Qua xem xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa; quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, luận cứ bào chữa của các Luật sư và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Với ý định nhập khẩu lậu điện thoại di động thông minh hiệu Iphone các loại từ Hồng Kông, Trung Quốc về Việt Nam tiêu thụ kiếm lời; bị cáo Trần Đình V đã thuê người làm các thủ tục để thành lập Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ TM có chức năng thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu các thiết bị điện tử và được Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hà Nội cấp giấy phép; nhưng thực chất công ty này giả về người đại diện theo pháp luật và địa chỉ hoạt động của Công ty (Công ty do ông Lê Văn M giám đốc đại diện nhưng thực tế là do Trần Đình V nắm giữ con dấu và điều hành công ty). Sau khi thành lập được Công ty, Trần Đình V thuê Nguyễn Văn C dùng tư cách pháp nhân Công ty TM để thực hiện việc nhập khẩu các lô hàng điện thoại di động hiệu Iphone các loại từ Hồng Kông, Trung Quốc về Việt Nam thông qua cửa khẩu sân bay Quốc tế tại Đà Nẵng; nhằm mục đích trốn thuế và để thông quan bị cáo V đã yêu cầu bên bán ghi mặt hàng mua bán và giá trị là các bộ lưu điện UPS nhưng thực chất bên trong các kiện hàng nhập khẩu đều là điện thoại di động hiệu Iphone; Nguyễn Văn C mặc dù biết rõ ý định của V cũng như biết rõ hàng hóa buôn bán qua biên giới là điện thoại di động hiệu Iphone chứ không phải là bộ lưu điện UPS như ghi trên các chứng từ mua bán và các chứng từ nhập khẩu có liên quan nhưng vẫn đồng ý giúp Trần Đình V để được trả công 15.000.000 đồng/1 tháng.

Với cách thức và thủ đoạn trên, ngày 29/09/2017 các bị cáo V và C đã sử dụng pháp nhân Công ty TM thực hiện việc buôn bán qua biên giới trái pháp luật Việt Nam hàng hóa là lô hàng 200 chiếc điện thoại di động hiệu iphone 6 Plus (trị giá theo kết luận định giá) là 3.198.000.000 đồng nhưng hợp đồng mua bán và các chứng từ nhập khẩu liên quan lại ghi hàng hóa là bộ lưu điện UPS; lô hàng sau khi được thông quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay Quốc tế Đà Nẵng thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ.

Hành vi trên của các bị cáo Trần Đình V và Nguyễn Văn C là đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn lậu”, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố các bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là hoàn toàn có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng; xâm phạm đến trật tự quản lý về kinh tế trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu hàng hóa của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh lành mạnh của các pháp nhân và thương nhân hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu nói riêng cũng như lĩnh vực kinh doanh nói chung; bản thân các bị cáo hoàn toàn ý thức được việc làm của mình là trái pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, đối với

các bị cáo cần phải xử lý thích đáng và có mức hình phạt tương xứng để cải tạo giáo dục các bị cáo; đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm nói chung.

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình tố tụng các bị cáo V và C đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và quyết tâm sửa chữa sai lầm của mình; hậu quả của vụ án đã được ngăn chặn kịp thời toàn bộ lô hàng đã bị thu giữ và đấu giá thu về Ngân sách Nhà nước số tiền tương đối lớn 1.652.000.000 đồng; bị cáo V khi nghe tin lô hàng bị bắt giữ bị cáo đã chủ động vào Đà Nẵng với dự định sẽ ra trình diện tại Cơ quan công an; phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ bị cáo già yếu; bị cáo có 02 con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình, cha bị cáo trong quá trình làm việc được Bộ nội vụ, Bộ văn hóa thông tin tặng Bằng khen; gia đình bị cáo có thân nhân có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương lao động hạng 3 và ghi nhận là liệt sỹ; bị cáo C phạm tội ở vai trò giúp sức, chỉ là người làm thuê ăn lương không được bàn bạc hay ăn chia lợi nhuận, khi bị bắt quả tang đã khai báo ra người đồng phạm là bị cáo V giúp cho cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ bị cáo già yếu; bị cáo là lao động chính trong gia đình, trong quá trình học tập tại các trường trung học phổ thông và đại học bị cáo luôn là học sinh, sinh viên giỏi, xuất sắc được Nhà trường tặng bằng khen. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V và điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo C được HĐXX áp dụng để xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự theo đề nghị của luật sư Trinh cho bị cáo C, Hội đồng xét xử không chấp nhận mà chỉ xem tình tiết này như là một biểu hiện của thành khẩn khai báo.

[4]. Về quyết định hình phạt chính: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 188 BLHS; tính chất, mức độ phạm tội, hậu quả của vụ án; vai trò phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo như đã phân tích ở trên, HĐXX quyết định xử phạt các bị cáo mức án tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo giáo dục riêng, đồng thời để răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung. Về mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận thấy là quá nghiêm khắc; nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo V mức án nhẹ hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị; đối với bị cáo C giữ vai trò giúp sức không đáng kể, lần đầu phạm tội, có nhiều tình

tiết giảm nhẹ không có tình tiết tăng nặng nên căn cứ khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức án quy định tại khoản 3 Điều 188 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Trần Đình V thành lập công ty nhằm mục đích buôn lậu để vụ lợi và thực tế bị cáo đã vụ lợi; bản thân bị cáo có tài sản riêng đảm bảo để thi hành án phạt tiền; dù bị cáo C chỉ là người làm thuê được bị cáo V trả công nhưng HĐXX xét thấy cần thiết phải áp dụng nên căn cứ khoản 5 Điều 188 Bộ luật hình sự phạt tiền bổ sung đối với bị cáo V số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo C 10.000.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 09/01/2019, bị cáo V đã tác động gia đình nộp số tiền 50.000.000 đồng thi hành phần phạt tiền bổ sung.

[5]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên:

- Tịch thu sung công Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8 Plus màu bạc, số IMEL 354359082689805/01 thu giữ của Trần Đình V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 01 máy tính xách tay hiệu Dell thu giữ của Nguyễn Văn C vì đây là các công cụ phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung công Nhà nước số tiền **1.652.000.000** đồng thu được thông qua việc xử lý tang vật của vụ án là lô hàng 200 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus.

- Tiêu hủy 01 con dấu tròn, 01 USB chữ ký số của Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ TM, 01 con dấu chức danh “Giám đốc Lê Văn M” vì đây là các công cụ phương tiện phạm tội liên quan đến pháp nhân Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ TM mà các bị cáo thành lập để phục vụ cho việc phạm tội.

- Tuyên trả lại cho bà Trần Bích H (vợ bị cáo V) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus 64GB, màu vàng, số IMEL 356715080663571.

- Đối với số tiền 315.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Đình V, xét đây là tiền bị cáo mượn của bà Trần Bích H để trả nợ cho bà Trần Bích Th và không liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên trả lại cho bị cáo Trần Đình V.

- Đối với 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn C, tuyên trả lại cho bị cáo quản lý sử dụng

[6]. Về án phí: Bị cáo Trần Đình V và Nguyễn Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về các vấn đề khác:

[7.1]. Quá trình điều tra xác định ngoài lô hàng Công ty TM nhập khẩu vào ngày 29/9/2017 đã bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ thì công ty TM đã nhập

khẩu 04 lô hàng khác vào Việt Nam qua Cửa khẩu Sân bay quốc tế Đà Nẵng vào các ngày 21, 22, 26 và 28/9/2017, thông tin mặt hàng nhập khẩu theo tờ khai hải quan của 04 lô hàng này đều là Bộ lưu điện UPS. Trần Đình V khai: hàng hóa thực tế nhập về trong 04 lô hàng này đều có điện thoại di động hiệu Iphone 8, cụ thể: ngày 21/9/2017 là 60 chiếc, ngày 22/9/2017 là 120 chiếc, ngày 26/9/2017 là 277 chiếc và ngày 28/9/2017 là 160 chiếc. Tuy nhiên tài liệu điều tra không đủ cơ sở để xác định các lô hàng của Công ty TM nhập về các ngày 21, 22, 26 và 28/9/2017 có mặt hàng điện thoại di động.

[7.2]. Liên quan đến lời khai của Trần Đình V về việc trước khi thành lập Công ty TM và thực hiện hành vi buôn lậu thì V đã có bàn bạc, thống nhất với Phạm Văn H2, sinh năm 1981, trú tại: số 4 ngõ 414 đường L, phường L, quận Đ, Tp. Hà Nội; H2 đã 2 lần dẫn V vào Đà Nẵng gặp ông Lê Nho Ph (Chi cục phó chi cục hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Đà Nẵng) để bàn về việc thành lập công ty tiến hành nhập khẩu điện thoại di động về Việt Nam tiêu thụ kiếm lời, V khai H2 có góp 1 tỷ đồng và thỏa thuận chia lợi nhuận 50/50. Tuy nhiên, qua tài liệu điều tra và điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án; đã tiến hành đối chất 3 bên giữa V, H2 và ông Ph nhưng không có căn cứ để chứng minh Phạm Văn H2 có đồng phạm với Trần Đình V về hành vi buôn lậu nên cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn H2 là có căn cứ.

[7.3] Đối với Đỗ Hữu Q là chủ các tài khoản mà bà Xuân yêu cầu V chuyển tiền mua điện thoại vào các tài khoản này. Kết quả điều tra xác định: Q là nhân viên của Cửa hàng kinh doanh vàng H, địa chỉ: 158 đường K, TP Hải Phòng do bà Quách Thị H3, sinh năm 1960 làm chủ. Cửa hàng kinh doanh vàng H có chức năng nhận và trả tiền theo ủy thác của cá nhân và doanh nghiệp nên bà H3 sử dụng các số tài khoản của Q để phục vụ việc kinh doanh của Cửa hàng. Đối với các khoản tiền do V trực tiếp hoặc nhờ em bạn rể của mình là Trịnh Xuân H4 chuyển vào các tài khoản của Q thì cả bà H3 và Q đều không biết được mục đích của việc chuyển tiền này là gì. Đồng thời, số tiền này khách hàng sau đó yêu cầu chuyển tiếp vào một tài khoản nào khác hay khách hàng đến nhận trực tiếp thì bà H3 và Q đều không nhớ, nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Đỗ Hữu Q là có cơ sở.

[7.4] Đối với Trịnh Xuân H4 (em bạn rể của Trần Đình V), một số lần giúp Trần Đình V chuyển tiền mua điện thoại di động vào số tài khoản của Đỗ Hữu Q cho bà Xuân. Tuy nhiên, Huy chuyển tiền do được V nhờ và không biết V nhờ chuyển với mục đích gì nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với H4 là có cơ sở.

[7.5] Liên quan đến lời khai của Trần Đình V và Nguyễn Văn C: Trước khi thực hiện hành vi Buôn lậu, V có trực tiếp đến gặp và đặt vấn đề nhờ Lê Nho Ph là

Chi cục Phó Chi cục Hải quan Sân bay Đà Nẵng giúp đỡ. Ph đồng ý giúp và thỏa thuận V phải trả cho Ph 500.000 đồng/1 điện thoại Iphone 8 nhập về và 250.000 đồng/1 điện thoại Iphone 6S nhập về, tổng cộng C và V đã giao cho Ph 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, Lê Nho Ph không thừa nhận nội dung này. Cơ quan điều tra đã tiến hành các hoạt động điều tra để làm rõ dấu hiệu tội phạm đưa hối lộ và nhận hối lộ của các đối tượng có liên quan. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn điều tra nhưng chưa đủ cơ sở kết luận. Do đó Cơ quan điều tra tách dấu hiệu hành vi đưa hối lộ và nhận hối lộ thành thông tin tội phạm riêng, ra Quyết định phân công Phó thủ trưởng Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên thụ lý giải quyết để tiếp tục điều tra xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

[7.6]. Đối với công chức hải quan Lê Viết Th là công chức Hải quan thuộc Chi cục Hải quan Cửa khẩu Sân bay quốc tế Đà Nẵng, được phân công trực tiếp thực hiện việc kiểm hóa đối với các lô hàng nhập khẩu của Công ty TM vào các ngày 21, 22 và 26/9/2017. Lê Viết Th đã không thực hiện đúng quy trình, trách nhiệm được giao theo yêu cầu kiểm hóa 100% đối với các lô hàng Công ty TM nhập về vào ngày 21 và 22/9/2017. Tuy nhiên, tài liệu điều tra không đủ cơ sở để xác định hàng hóa thực tế nhập về của các lô hàng này có mặt hàng điện thoại di động nên không đủ cơ sở để xử lý hình sự của Lê Viết Th.

[7.7] Đối với Nguyễn Hải C và Bùi Duy H5 cùng là nhân viên Trung tâm An ninh Hàng không Đà Nẵng có giúp Trần Đình V và Nguyễn Văn C làm thủ tục chuyển các lô hàng của Công ty TM vào các ngày 21, 22, 26 và 28/9/2017 sau khi nhập khẩu về Sân bay Đà Nẵng theo hành lý ký gửi ra Hà Nội. Tuy nhiên, Nguyễn Hải C khai chỉ được V cho biết bên trong các lô hàng này là thiết bị điện tử, có hóa đơn chứng từ đầy đủ. C và Hòa đều không biết bên trong các lô hàng có mặt hàng điện thoại di động. Đồng thời, kết quả xác minh tại Trung tâm An ninh Hàng không Đà Nẵng: trích xuất dữ liệu soi chiếu toàn bộ hành lý ký gửi của hành khách trên tất cả các chuyến bay vào các ngày 21 và 22/9/2017 không phát hiện lô hàng điện thoại di động nào. Do đó, cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xem xét xử lý là có căn cứ.

[7.8] Đối với Lê Công T được Trần Đình V và Nguyễn Văn C thuê làm các thủ tục nhận lô hàng của Công ty TM nhập khẩu về Sân bay Đà Nẵng vào ngày 21/9/2017 với giá 300.000 đồng. Đối với các lô hàng khác, Tiến giúp C kiểm tra hàng đã về đến kho chưa và báo cho C đến làm thủ tục nhận hàng. Tuy nhiên, Tiến không biết gì về hành vi Buôn lậu điện thoại di động của V và C nên nên cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xem xét xử lý là có căn cứ.

[7.8]. Kiến nghị Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã cấp cho Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ TM.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

**I/ Tuyên bố:** Các bị cáo Trần Đình V, Nguyễn Văn C phạm tội “Buôn lậu”;

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt: **Trần Đình V 09 (chín)** năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2017.

Căn cứ khoản 5 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Phạt tiền bổ sung đối với Trần Đình V 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)

*(Bị cáo đã nộp trước số tiền 50.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000699 và 0000551 ngày 19/4/2019 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, còn phải nộp tiếp số tiền 50.000.000 đồng)*

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt: **Nguyễn Văn C 07 (bảy)** năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/09/2017.

Căn cứ khoản 5 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Văn C 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

**II/ Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46,47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên:

- Tịch thu sung công Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8 Plus màu bạc, số IMEL 354359082689805/01 thu giữ của Trần Đình V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 01 máy tính xách tay hiệu Dell thu giữ của Nguyễn Văn C.

- Tịch thu sung công Nhà nước số tiền **1.652.000.000** đồng thu được thông qua việc xử lý tang vật của vụ án là lô hàng 200 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6Plus. *(Hiện kho bạc Nhà nước thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ tại tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng theo Ủy nhiệm chi số DD06 ngày 06/02/2018 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng theo đề nghị của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Đà Nẵng)*

- Tiêu hủy 01 con dấu tròn, 01 USB chữ ký số của Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ TM, 01 con dấu chức danh “Giám đốc Lê Văn M”.

- Tuyên trả lại cho bà Trần Bích H (vợ bị cáo V) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus 64GB, màu vàng, số IMEL 356715080663571 (*Hiện đã thi hành án xong*)

- Tuyên trả lại cho Trần Đình V số tiền **315.000.000** đồng (*Hiện đã thi hành án xong*)

- Tuyên trả lại 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn C cho bị cáo Nguyễn Văn C.

*(Các tang vật chứng còn lại hiện Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 11 ngày 26/06/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/06/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đà Nẵng và Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).*

**III/ Về kiến nghị:** Kiến nghị Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107976940 ngày 24/08/2017 đã cấp cho Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ TM.

**IV/ Về án phí:** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Đình V và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

**V/ Án xử công khai sơ thẩm:** các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay; riêng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN;
- Phòng PC 47- CATPĐN;
- Cục THA TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Hòa Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Trọng Danh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



